

Thứ năm, ngày 9 tháng 7 năm 2020

Vietnam Daily Review

Tăng điểm tích cực, VNIndex vượt kháng cự 875

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 10/07/2020		•	
Tuần 6/7-10/7/2020		•	
Tháng 7/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Ngay từ đầu phiên giao dịch, sự bứt phá của các cổ phiếu thuộc nhóm midcap và penny đã đẩy VNIndex trở lại khu vực xung quanh 870. Sự tích cực tiếp tục được duy trì xuyên suốt phiên giao dịch giúp chỉ số tăng dần và chốt phiên chính thức vượt qua ngưỡng kháng cự tại 875 điểm. Dòng tiền đầu tư tăng mạnh khi có 18/19 nhóm ngành tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại tiếp tục bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Thanh khoản thị trường có sự cải thiện so với phiên hôm trước nhưng vẫn chưa vượt qua trung bình 20 phiên, độ rộng thị trường ở trạng thái tích cực cho thấy sự lạc quan phần nào đã trở lại. Tuy vậy, áp lực chốt lời ở khu vực 880-890 điểm có thể xuất hiện nếu động lực tăng không được duy trì bền vững.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 790 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 9/7/2020, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm nhẹ.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: **Theme_Stay-at-home_2.8%**

Phân tích kỹ thuật: KDC_Phiên bứt phá (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index +11.96 điểm, đóng cửa 876.46. HNX-Index +1.79 điểm, đóng cửa 116.16.
- Kéo chỉ số tăng: SAB (+2.31); GAS (+1.28); BID (+1.22); TCB (+0.88); VPB (+0.68).
- Kéo chỉ số giảm: HPX (-0.1); HNG (-0.03); SGN (-0.02); SCS (-0.02); CTD (-0.01).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 4,141 tỷ đồng, +36.26% so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 10.91 điểm. Thị trường có 288 mã tăng, 51 mã tham chiếu và 92 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: -160.79 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm HDG (-41.3 tỷ), HPG (-28.6 tỷ) và VCB (-25.2 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị -2.04 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

876.46

Giá trị: 4141.15 tỷ

11.96 (1.38%)

Khối ngoại (ròng): -160.79 tỷ

HNX-INDEX

116.16

Giá trị: 623.32 tỷ

1.79 (1.57%)

Khối ngoại (ròng): -2.04 tỷ

UPCOM-INDEX

57.16

Giá trị: 0.32 tỷ

0.38 (0.67%)

Khối ngoại(ròng): 1.35 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	40.8	-0.24%
Giá vàng	1,816	0.38%
Tỷ giá USD/VND	23,190	0.03%
Tỷ giá EUR/VND	26,140	-0.51%
Tỷ giá JPY/VND	21,624	0.05%
LS liên NH 1 tháng	0.4%	17.85%
LS TPCP 5 năm	2.0%	-0.41%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
CTG	33.8	HDG	41.3
BID	16.6	HPG	28.6
MSN	10.0	VCB	25.2
MBB	8.1	TRC	22.3
VRE	7.8	SAB	21.7

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Cập nhật Hiệu suất Danh mục i-Invest

BSC RESEARCH
Vietnam Daily Review
9/7/2020

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Stay-at-home_2.8%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	14/25 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Stay-at-home	2.8%	2.7%	6.8%	6.8%	6.8%	11.7%	17.8%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	2.6%	5.0%	7.9%	7.9%	7.9%	-4.0%	21.4%
VN FinSelect	2.5%	4.6%	7.3%	7.3%	7.3%	-3.9%	19.9%
Hàng tiêu dùng	2.4%	2.5%	7.3%	7.3%	7.3%	3.3%	20.1%
Ngân Hàng	2.3%	5.3%	7.8%	7.8%	7.8%	-1.6%	23.2%
Top 10 cổ phiếu VN30	2.1%	3.9%	7.1%	7.1%	7.1%	-12.0%	16.9%
Xây dựng	1.9%	3.1%	8.3%	8.3%	8.3%	0.2%	19.5%
VN Diamond	1.9%	3.9%	6.3%	6.3%	6.3%	-11.5%	19.8%
Cổ phiếu hết room ngoại	1.7%	3.8%	6.2%	6.2%	6.2%	-9.3%	19.6%
Chiến tranh thương mại	1.6%	2.8%	4.7%	4.7%	4.7%	-8.0%	18.7%
Corona Avengers	1.6%	4.1%	5.9%	5.9%	5.9%	1.0%	22.1%
Lãi suất giảm	1.6%	2.6%	8.1%	8.1%	8.1%	4.8%	19.8%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	1.5%	3.8%	6.1%	6.1%	6.1%	-10.6%	21.6%
Dầu khí	1.5%	2.8%	4.5%	4.5%	4.5%	-20.2%	25.3%
Nước & Năng lượng	1.2%	2.7%	5.4%	5.4%	5.4%	-5.6%	16.9%
Đầu tư công	1.2%	2.7%	5.9%	5.9%	5.9%	-0.1%	20.3%
Bất động sản Khu công nghiệp	0.9%	3.2%	8.0%	8.0%	8.0%	8.8%	26.2%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.9%	2.9%	5.3%	5.3%	5.3%	-7.7%	18.1%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.9%	3.3%	5.9%	5.9%	5.9%	-0.3%	22.3%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.8%	2.8%	5.7%	5.7%	5.7%	-7.6%	16.0%
Ngành Dược	0.7%	2.2%	4.0%	4.0%	4.0%	-4.7%	18.3%
BĐS & Khu công nghiệp	0.7%	2.3%	4.6%	4.6%	4.6%	-5.3%	17.7%
Vật liệu Xây dựng	0.6%	1.2%	5.6%	5.6%	5.6%	3.5%	20.8%
FTSE Việt Nam	0.4%	2.1%	4.3%	4.3%	4.3%	-6.9%	17.1%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.2%	1.0%	2.9%	2.9%	2.9%	7.5%	15.8%
Mục tiêu	3/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
L32	3.2%	4.0%	6.8%	6.8%	6.8%	-5.7%	21.3%
S11	1.9%	2.6%	4.8%	4.8%	4.8%	2.7%	19.0%
M12	1.5%	2.8%	4.5%	4.5%	4.5%	-5.8%	20.1%
S32	1.1%	3.1%	5.5%	5.5%	5.5%	-14.0%	22.6%
M22	1.1%	2.3%	4.4%	4.4%	4.4%	-1.3%	19.0%
M31	1.0%	4.2%	6.2%	6.2%	6.2%	-5.7%	21.4%
L11	1.0%	1.8%	4.3%	4.3%	4.3%	-6.3%	17.7%
S21	0.7%	2.4%	4.3%	4.3%	4.3%	-8.2%	20.2%
L22	0.5%	2.3%	4.8%	4.8%	4.8%	-5.8%	
Khẩu vị Rủi ro	1/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
MID1	2.1%	2.2%	6.8%	6.8%	6.8%	7.3%	17.6%
LOW1	1.0%	2.2%	4.1%	4.1%	4.1%	-4.3%	17.3%
HIGH3	0.6%	3.0%	5.8%	5.8%	5.8%	0.8%	19.4%
INDEX							
VNINDEX	1.4%	3.4%	6.2%	6.2%	6.2%	-8.8%	17.0%
VN30INDEX	1.5%	3.4%	6.0%	6.0%	6.0%	-7.1%	17.6%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	25	14	11	8	17	10	15
Mục tiêu	9	3	6	2	7	2	7
Rủi ro	3	1	2	0	3	1	2

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
Vũ Quốc Khánh

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>
khanhvq@bsc.com.vn

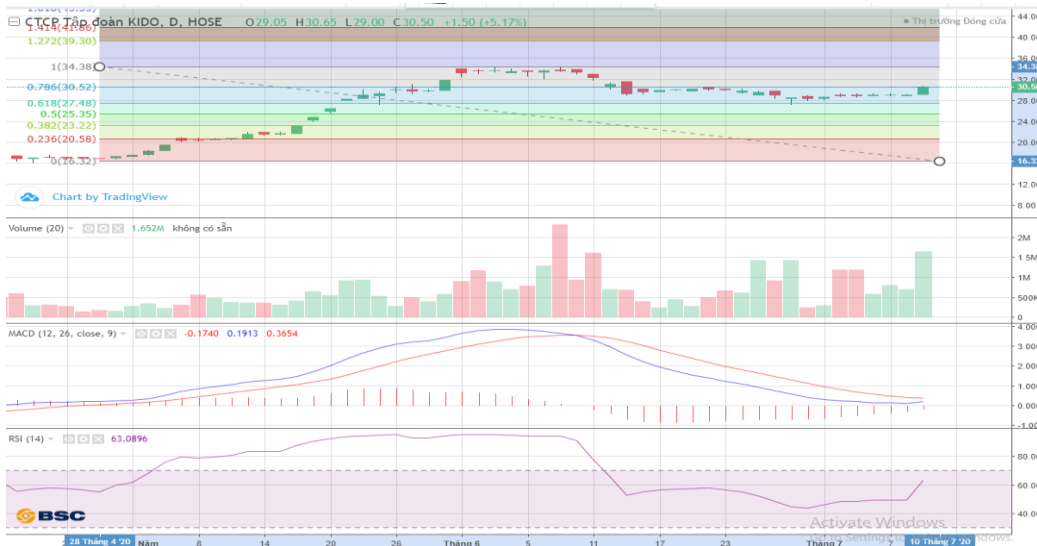
Phân tích kỹ thuật

KDC_Phiên bứt phá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD sắp vượt lên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, phá kênh Bollinger trên.

Nhận định: KDC đã hình thành phiên bứt phá sau khi tích lũy ngắn hạn tại ngưỡng giá 29.0. Thanh khoản cổ phiếu đã vượt ngưỡng trung bình giao dịch 20 phiên đồng thuận với đà tăng giá của cổ phiếu. Chỉ báo RSI và chỉ báo MACD đều ủng hộ tín hiệu tích cực này. Đường giá cổ phiếu cũng đã chạm lại dải mây Ichimoku, cho thấy xu hướng tăng giá trung hạn sắp hình thành. Như vậy, nhà đầu tư có thể mở vị thế tại vùng giá 30.0-31.0, chốt lãi tại vùng giá 39.0-40.0 và cắt lỗ nét mất ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 29.0.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PLX_ Tín hiệu tích cực	Link
PC1_Tăng giá	Link
CTI_Xu hướng tăng	Link
VNM_Hưng phấn	Link
GVR_ Tín hiệu tích cực	Link

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 9/7

*Mặt hàng	ĐVT	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	40.79	-0.27%	2.40%	6.10%	-29.56%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	43.23	-0.14%	0.20%	4.10%	-27.30%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	128.47	-0.48%	5.60%	6.40%	-29.61%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1809.17	0.02%	1.90%	5.50%	27.60%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	18.72	-0.03%	4.20%	6.70%	14.08%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	898.00	0.08%	-0.10%	2.30%	-5.60%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	518.00	0.29%	3.90%	0.10%	-4.74%		AFX
Sữa	USD /cwt	23.86	0.80%	4.40%	26.00%	39.53%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	147.72	0.83%	2.30%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	12.08	-0.82%	1.00%	-0.10%	-11.70%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	100.00	-0.30%	-1.00%	-0.60%	-17.32%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	6232.00	0.71%	2.80%	9.30%	4.92%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	530.62	1.05%	5.10%	4.30%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1665.00	1.90%	2.70%	3.70%	-10.00%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	112.85	1.21%	7.60%	7.70%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	55.05	-1.78%	3.90%	-1.80%	-31.61%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Chốt phiên 8/7 giá dầu thô Brent tăng 21 US cent lên 43.29 USD/thùng. Dầu thô WTI kỳ hạn tăng 28 US cent lên 40.90 USD/thùng.
- Tồn kho xăng của Mỹ giảm 4.8 triệu thùng do nhu cầu tăng lên 8.8 triệu thùng/ngày cao nhất kể từ ngày 20/3, theo Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ.
- Công suất lọc dầu tăng 2% nhưng vẫn thấp hơn khoảng 17% so với cùng giai đoạn năm trước.
- Các Bộ trưởng quan trọng của OPEC+ sẽ nhóm họp vào tuần tới bàn về thỏa thuận cắt giảm sản lượng kỷ lục sẽ diễn ra đến cuối tháng 7 và sau đó bắt đầu giảm dần

Giá vàng

- Vàng giao ngay tăng 0.9% lên 1,811.01 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 8 của Mỹ đóng cửa tăng 0.6% lên 1,820.6 USD.
- Giá vàng đã vượt ngưỡng kỹ thuật 1,800 USD, lên mức cao nhất kể từ tháng 9/2011, do các nhà đầu tư tăng cường mức độ an toàn và các ngân hàng trung ương tung thêm các gói kích thích mạnh mẽ để bù đắp cho sự sụt giảm kinh tế.
- Theo Hội đồng vàng thế giới các quỹ tín thác vàng đã nắm giữ thêm 734 tấn trong nửa đầu năm 2020, nhiều hơn bất cứ cả năm nào trước đó

Giá sắt thép

- Quặng sắt trên sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên tăng 3.1%. Quặng sắt trên sàn giao dịch Singapore tăng 3.4%. Giá thép thanh trên sàn giao dịch kỳ hạn Thượng Hải tăng 1.8% lên 3,702 CNY (527.61 USD)/tấn, thép cuộn cán nóng tăng 1.9%.
- Giá thép của Trung Quốc tiếp tục tăng do lạc quan về triển vọng nhu cầu tại quốc gia tiêu thụ kim loại hàng đầu thế giới này, trong khi tồn kho trong nước thấp cũng hỗ trợ giá.
- Hy vọng sự phục hồi kinh tế đã hỗ trợ chứng khoán Trung Quốc tiếp tục tăng trong phiên thứ 7. Tồn kho thép của Trung Quốc vẫn thấp bất chấp mặc dù đã có sự tích tụ trong 2 tuần qua. Kho dự trữ thép thanh và thép cuộn cán nóng giảm hơn 40% so với mức đỉnh của năm nay, theo số liệu của công ty tư vấn SteelHome.

Giá cao su

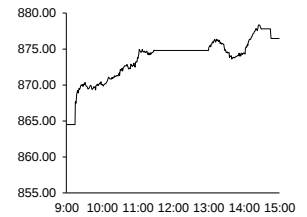
- Hợp đồng cao su TOCOM kỳ hạn tháng 12 giảm 0.2 JPY xuống 157.2 JPY (1.46 USD)/kg. Hợp đồng cao su kỳ hạn tháng 9 trên sàn giao dịch Thượng Hải tăng 55 CNY lên 10,650 CNY (1,518 USD)/tấn.
- Giá cao su trên sàn giao dịch hàng hóa Tokyo (TOCOM) đóng cửa giảm, do Covid-19 tiếp tục lan rộng không ngừng ở một số nơi trên thế giới, nhưng đã giảm bị hạn chế do hy vọng phục hồi kinh tế của Trung Quốc

Giá nông sản

- Đường thô kỳ hạn tháng 10 giảm 0.1 US cent hay 0.8% xuống 12.08 US cent/lb. Đường trắng kỳ hạn tháng 8 giảm 3.7 USD hay 1.1% xuống 346.8 USD/tấn. Đà tăng của giá đường vẫn bị hạn chế bởi triển vọng nguồn cung đáng kể từ Brazil và Ấn Độ trong những tháng tới và lo sợ về nhu cầu đang yếu.
- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 9 giảm 0.3 US cent hay 0.3% xuống 1 USD/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 9 tăng 1 USD hay 0.1% lên 1,192 USD/tấn.

Hình 1

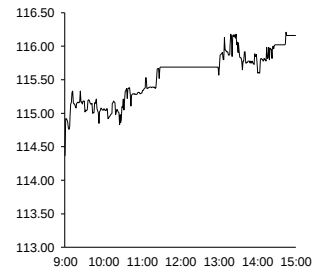
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

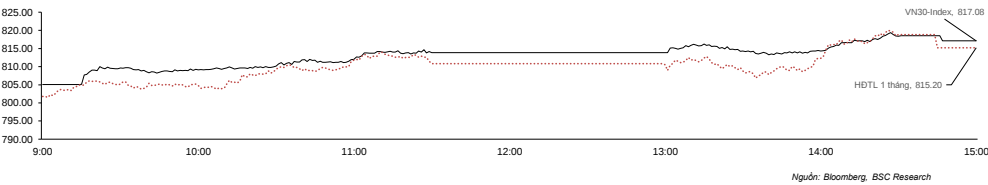
Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Viễn thông	0.00%
Dầu khí	0.43%
Bất động sản	0.53%
Tài nguyên Cơ bản	0.54%
Bảo hiểm	0.59%
Y tế	0.63%
Du lịch và Giải trí	0.73%
Bán lẻ	0.88%
Xây dựng và Vật liệu	0.97%
Hóa chất	1.19%
Công nghệ Thông tin	1.25%
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.35%
Dịch vụ tài chính	1.60%
Ô tô và phụ tùng	1.77%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.88%
Ngân hàng	1.97%
Thực phẩm và đồ uống	2.11%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	2.20%
Truyền thông	2.74%

Nguồn: FinPro

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index intraday vs HDTL 1 tháng Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đạo hạn	Số ngày*
VN30F2007	815.20	1.63%	-1.88	10.5%	201.665	7/16/2020	7
VN30F2008	810.00	2.14%	-7.08	118.4%	1.933	8/20/2020	42
VN30F2009	807.00	2.68%	-10.08	575.8%	223	9/17/2020	70
VN30F2012	800.90	2.67%	-16.18	83.9%	114	12/17/2020	161

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index tăng mạnh 12.02 điểm, lên mức 817.08 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như TCB, VPB, SAB, HDB, và STB tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 tăng tích cực trong phiên sáng lên quanh 815 điểm. Sang phiên chiều, VN30 duy trì đã tăng lên gần 820 điểm, sau đó thu hẹp đã biên độ tăng cuối phiên. Thanh khoản duy trì tại mức cao, VN30 có thể kiểm tra lại vùng giá 830-840 điểm trong những phiên tiếp theo.

• Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2008, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, VN30F2007 và VN30F2012 đang tăng, trong khi VN30F2008 và VN30F2009 đang giảm. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm ngắn hạn. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 790 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đạo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CVPB2003	VCSC	7/22/2020	13	1:1	186.210	455.2%	1.5 triệu	45.18%	2,200	990	83.33%	1,286	0.77
CHDB2003	KIS	12/16/2020	160	2:1	158.850	115.1%	2.0 triệu	40.08%	2,700	1,330	23.15%	708	1.88
CMBB2002	SSI	8/10/2020	32	1:1	342.290	164.9%	3.0 triệu	34.42%	1,300	650	22.64%	506	1.28
CTCB2006	HSC	10/29/2020	112	2:1	25.610	174.2%	5.0 triệu	36.83%	1,200	1,980	15.12%	1,835	1.08
CFPT2004	SSI	8/10/2020	32	1:1	19.120	-41.8%	2.0 triệu	32.21%	5,100	7,550	9.42%	1,233	6.12
CVRE2005	SSI	11/30/2020	144	1:1	21.010	-28.8%	1.5 triệu	44.11%	4,000	3,490	6.73%	3,067	1.14
CFPT2003	SSI	11/9/2020	123	1:1	27.300	-2.7%	2.0 triệu	32.21%	7,300	10,250	6.11%	3,221	3.18
CVHM2001	KIS	12/16/2020	160	5:1	86.790	135.9%	2.0 triệu	37.34%	3,100	1,700	4.29%	776	2.19
CSTB2002	KIS	12/16/2020	160	1:1	56.130	-33.8%	3.0 triệu	41.69%	1,700	2,010	4.15%	1,367	1.47
CHPG2008	SSI	11/30/2020	144	1:1	50.690	-52.8%	5.0 triệu	36.58%	4,100	3,680	3.37%	2,893	1.27
CTCB2003	VCSC	10/26/2020	109	1:1	15.910	1491.0%	1.5 triệu	36.83%	2,000	670	3.08%	541	1.24
CHPG2002	KIS	12/16/2020	160	2:1	149.660	-23.1%	3.0 triệu	36.58%	1,700	1,810	2.84%	1,100	1.65
CHPG2009	HSC	10/29/2020	112	2:1	75.230	-9.2%	5.0 triệu	36.58%	1,600	3,390	2.11%	3,136	1.08
CHPG2005	VND	10/1/2020	84	1:1	20.530	60.3%	2.0 triệu	36.58%	2,100	9,520	2.04%	9,371	1.02
CVNM2003	MBS	9/4/2020	57	10:1	107.550	22.1%	3.0 triệu	31.48%	1,450	2,450	0.00%	2,281	1.07
CVNM2002	KIS	12/16/2020	160	5:1	158.050	133.4%	3.0 triệu	31.48%	3,200	1,300	-0.76%	584	2.23
CMSN2001	KIS	12/16/2020	160	5:1	122.780	535.2%	2.0 triệu	34.55%	2,300	1,300	-0.76%	544	2.39
CVJC2003	KIS	10/5/2020	88	10:1	160	#DIV/0!	1.5 triệu	28.71%	1,670	1,110	-0.89%	174	6.37
CVHM2004	KIS	10/5/2020	88	10:1	3,200	31900.0%	1.5 triệu	37.34%	1,490	1,100	-1.79%	388	2.83
CMWG2006	VCSC	10/26/2020	109	5:1	11.320	110.4%	1.5 triệu	39.78%	2,000	700	-2.78%	244	2.87
Tổng:					1,452,180		49.50 triệu	36.53%**					

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất

Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi

Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn

*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 9/7/2020, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm nhẹ.

• Về giá, CVPB2006 và CVPB2005 tăng mạnh lần lượt là 27.83% và 26.40%. Giá trị giao dịch giảm -3.15%. CTCB2003 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 5.62% thị trường.

• Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là HPG, VPB, các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CHPG2005 và CHPG2007 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CVNM2003 và CMWG2006 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinh@bsc.com.vn

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
TCB	20.95	4.23	2.54
VPB	22.85	4.34	2.13
SAB	205.00	6.22	1.11
HDB	27.20	4.41	1.02
STB	11.80	2.61	0.71

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
CTD	79.4	-0.87	-0.03
EIB	17.7	0.00	0.00
PLX	46.6	0.11	0.01
ROS	3.1	1.67	0.02
REE	32.1	0.31	0.02

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hóa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVPB2003	24,200	22,000	22,850
CHDB2003	37,523	32,123	27,200
CMBB2002	19,300	18,000	17,450
CTCB2006	20,400	18,000	20,950
CFPT2004	55,100	50,000	48,350
CVRE2005	32,000	28,000	27,550
CFPT2003	57,300	50,000	48,350
CVHM2001	110,067	94,567	80,800
CSTB2002	13,588	11,888	11,800
CHPG2008	32,100	28,000	28,150
CTCB2003	27,000	25,000	20,950
CHPG2002	33,399	29,999	28,150
CHPG2009	25,700	22,500	28,150
CHPG2005	21,100	19,000	28,150
CVNM2003	107,280	92,780	115,900
CVNM2002	155,285	139,285	115,900
CMSN2001	77,289	65,789	57,400
CVJC2003	140,156	123,456	108,100
CVHM2004	101,768	86,868	80,800
CMWG2006	120,000	110,000	84,000

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	84.0	0.5%	1.2	1,654	1.9	8,808	9.5	2.8	49.0%	33.6%
PNJ	Bán lẻ	60.6	2.4%	1.3	593	2.1	5,248	11.5	2.7	49.0%	26.0%
BVH	Bảo hiểm	47.8	1.2%	1.3	1,541	0.9	1,307	36.5	1.8	28.2%	5.3%
PVI	Bảo hiểm	30.3	1.3%	0.4	294	0.0	2,056	14.7	1.0	54.4%	6.8%
VIC	Bất động sản	91.0	0.2%	0.8	13,383	1.6	2,095	43.4	3.8	13.9%	10.6%
VRE	Bất động sản	27.6	0.4%	1.1	2,722	2.3	1,226	22.5	2.3	30.9%	10.3%
NVL	Bất động sản	64.5	0.3%	0.8	2,719	1.5	3,584	18.0	2.8	6.1%	16.3%
REE	Bất động sản	32.1	0.3%	0.8	433	0.4	4,976	6.5	1.0	49.0%	16.0%
DXG	Bất động sản	11.6	0.9%	1.3	262	0.9	2,289	5.1	0.9	40.9%	15.9%
SSI	Chứng khoán	15.9	1.0%	1.3	414	3.4	1,415	11.2	0.9	49.8%	7.8%
VCI	Chứng khoán	24.2	1.9%	1.0	172	1.0	4,240	5.7	1.0	27.6%	18.0%
HCM	Chứng khoán	19.3	-1.8%	1.8	256	1.5	1,480	13.0	1.3	52.1%	12.0%
FPT	Công nghệ	48.4	1.4%	0.8	1,648	4.8	4,804	10.1	2.2	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	50.0	0.4%	0.4	541	0.0	4,812	10.4	2.6	0.0%	28.3%
GAS	Dầu khí	75.2	3.2%	1.5	6,258	3.8	5,820	12.9	2.8	3.3%	23.6%
PLX	Dầu khí	46.6	0.1%	1.5	2,440	1.4	869	53.5	3.0	14.5%	5.7%
PVS	Dầu khí	12.5	1.6%	1.6	260	1.9	1,238	10.1	0.5	11.6%	4.8%
BSR	Dầu khí	7.3	2.8%	0.8	984	1.6	898	8.1	0.7	41.1%	8.5%
DHG	Dược	94.2	0.7%	0.5	535	0.0	5,046	18.7	3.5	54.5%	20.2%
DPM	Hóa chất	14.6	1.0%	0.4	248	0.9	1,006	14.5	0.7	11.2%	5.4%
DCM	Hóa chất	9.1	0.3%	0.4	208	0.5	415	21.8	0.8	1.9%	3.7%
VCB	Ngân hàng	83.6	0.7%	1.2	13,481	3.5	4,848	17.2	3.6	23.8%	22.8%
BID	Ngân hàng	41.6	2.6%	1.4	7,275	2.7	2,140	19.4	2.2	17.7%	12.0%
CTG	Ngân hàng	24.1	1.9%	1.2	3,901	6.3	2,510	9.6	1.1	29.9%	12.6%
VPB	Ngân hàng	22.9	4.3%	1.2	2,422	4.7	3,750	6.1	1.3	23.4%	22.7%
MBB	Ngân hàng	17.5	1.7%	1.0	1,830	2.8	3,398	5.1	1.0	23.0%	20.1%
ACB	Ngân hàng	24.3	1.7%	0.9	1,757	2.4	3,780	6.4	1.4	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	54.3	0.0%	0.9	193	0.4	5,303	10.2	1.7	81.6%	17.0%
NTP	Nhựa	31.2	0.6%	0.4	160	0.0	4,208	7.4	1.2	18.9%	17.0%
MSR	Tài nguyên	15.3	-2.5%	0.4	658	0.0	356	43.0	1.2	1.9%	2.9%
HPG	Thép	28.2	0.4%	1.1	3,379	9.3	2,764	10.2	1.6	36.3%	17.4%
HSG	Thép	11.7	0.9%	1.5	226	2.9	1,493	7.8	0.8	11.6%	11.4%
VNM	Tiêu dùng	115.9	0.3%	0.7	8,775	7.9	5,453	21.3	6.7	58.8%	32.5%
SAB	Tiêu dùng	205.0	6.2%	0.8	5,716	2.5	6,719	30.5	7.6	63.4%	27.2%
MSN	Tiêu dùng	57.4	0.7%	1.0	2,917	2.7	3,961	14.5	1.6	38.9%	12.7%
SBT	Tiêu dùng	14.6	1.0%	0.7	371	2.6	171	85.2	1.2	5.6%	1.5%
ACV	Vận tải	59.0	0.0%	0.8	5,584	0.6	3,450	17.1	3.5	3.3%	22.3%
VJC	Vận tải	108.1	0.5%	1.1	2,462	2.4	7,110	15.2	3.8	18.1%	26.3%
HVN	Vận tải	26.6	1.1%	1.7	1,640	0.4	1,654	16.1	2.1	9.3%	12.9%
GMD	Vận tải	19.3	1.0%	0.9	249	0.2	1,583	12.2	1.0	49.0%	7.8%
PVT	Vận tải	10.5	0.5%	1.1	128	0.8	2,117	4.9	0.7	24.1%	14.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	64.6	3.7%	1.0	436	1.1	9,201	7.0	3.0	2.8%	45.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	20.5	2.0%	0.7	400	0.7	1,453	14.1	1.4	10.0%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	13.9	0.4%	1.0	230	0.1	1,938	7.1	1.0	6.4%	13.8%
CTD	Xây dựng	79.4	-0.9%	1.0	263	2.1	8,032	9.9	0.7	45.9%	7.3%
VCG	Xây dựng	26.5	0.0%	0.3	509	0.1	1,498	17.7	1.7	0.4%	10.0%
CII	Xây dựng	18.3	0.8%	0.3	190	0.9	1,775	10.3	0.8	38.3%	8.5%
POW	Điện	10.0	1.2%	0.6	1,016	1.0	1,028	9.7	0.9	11.3%	9.4%
NT2	Điện	22.4	-0.2%	0.5	280	0.1	2,543	8.8	1.5	18.3%	18.1%

Thông kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SAB	205.00	6.22	2.19	285960.00
GAS	75.20	3.16	1.26	1.18MLN
BID	41.60	2.59	1.20	1.53MLN
TCB	20.95	4.23	0.85	3.15MLN
VPB	22.85	4.34	0.67	4.80MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	Ngày 04/07/20	Index pt	KLGD
HPX	-0.01	-0.11	229030.00	1.11MLN
HNG	0.00	-0.03	295560.00	607060.00
NCT	-0.01	-0.03	48970.00	373600.00
HCM	0.00	-0.03	1.82MLN	192700.00
SGN	0.00	-0.02	4250.00	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HVX	3.21	7.00	0.00	3020.00
VID	9.63	7.00	0.01	64600.00
GEX	19.15	6.98	0.17	3.44MLN
DHC	40.60	6.98	0.04	1.26MLN
DAT	18.50	6.94	0.02	10.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VAF	9.30	-7.00	-0.01	310.00
DTL	10.75	-6.93	-0.01	70.00
SMA	10.90	-6.84	0.00	1820.00
DTT	11.75	-6.75	0.00	80.00
DAH	11.80	-6.72	-0.01	14760.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	24.30	1.67	0.62	2.25MLN
SHB	13.30	1.53	0.29	2.20MLN
CEO	8.50	8.97	0.10	3.35MLN
VCS	64.60	3.69	0.07	395700.00
IDC	19.40	2.11	0.06	15300.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NVB	9.10	-1.09	-0.04	3.94MLN
DNP	16.60	-3.49	-0.03	200.00
VNR	19.10	-4.50	-0.02	3200.00
DGC	40.10	-0.50	-0.02	165900.00
RCL	24.20	-9.70	-0.01	1200.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

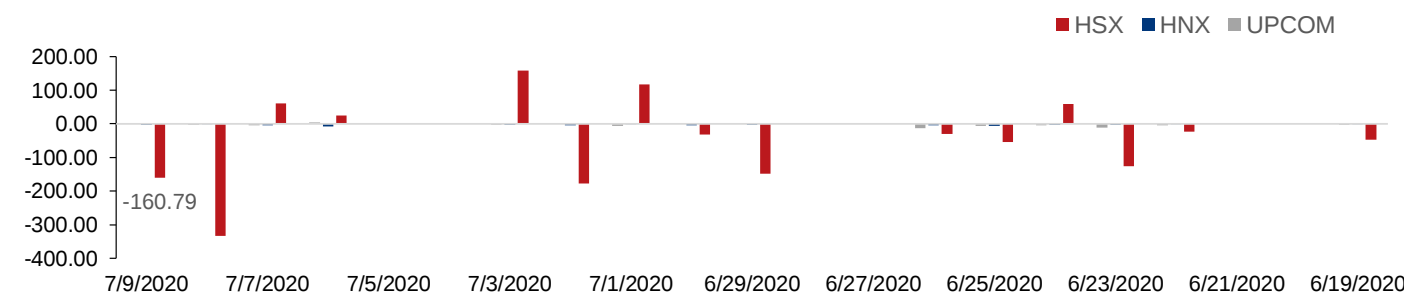
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.80	14.3	0.01	2.78MLN
HKB	0.90	12.5	0.00	675600.00
ADC	14.30	10.0	0.00	100.00
CMS	3.30	10.0	0.00	72600.00
NHC	29.70	10.0	0.00	200.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
LUT	1.80	-10.00	0.00	500.00
CJC	13.00	-9.72	0.00	200.00
RCL	24.20	-9.70	-0.01	1200.00
CAN	23.40	-9.65	-0.01	300.00
CMC	4.80	-9.43	0.00	200.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	Phân tích vĩ mô		Click
3	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	Phân tích vĩ mô		Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020	Phân tích ngành		Click
5	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	Phân tích vĩ mô		Click
6	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	Phân tích vĩ mô		Click
7	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
8	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
9	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
10	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
13	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
14	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
15	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
19	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
20	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại		P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/2020	63.9	70.8	57.4	3,961	14.5	1.6	Click
2	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/2020	38.9	43.2	40.1	4,717	8.5	1.5	Click
3	HSG	VLXD	Mua	2/6/2020	10.1	12.4	11.7	1,493	7.8	0.8	Click
4	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/05/202	40.0	44.2	44.3	5,479	8.1	2.2	Click
5	SZC	Bất động sản	Mua	20/05/2018	18.7	22.2	20.5	1,140	17.9	1.7	Click
6	HPG	VLXD	Mua	20/05/2019	26.2	36.7	28.2	2,764	10.2	1.6	Click
7	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/05/2020	21.3	25.0	21.0	2,987	7.0	1.1	Click
8	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/2020	62.0	64.5	60.6	5,248	11.5	2.7	Click
9	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/2020	125.0	145.9	137.3	5,718	24.0	8.5	Click
10	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/2020	10.6	15.4	11.6	2,289	5.1	0.9	Click
11	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/2020	16.4	18.8	17.0	1,496	11.4	1.0	Click
12	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/2020	27.3	N/a	21.1	7,637	2.8	1.0	Click
13	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/2020	20.6	N/a	21.5	5,311	4.0	1.0	Click
14	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/2020	26.9	32.1	43.5	4,465	9.7	1.9	Click
15	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/2020	67.4	90.0	83.6	4,848	17.2	3.6	Click
16	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/2020	20.3	27.0	24.3	3,780	6.4	1.4	Click
17	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/2020	29.5	33.8	38.3	6,553	5.8	1.4	Click
18	PHR	Cao su	Mua	21/4/2020	43.7	51.9	53.7	3,887	13.8	2.7	Click
19	FPT	Công nghệ	Mua	16/4/2020	46.4	60.7	48.4	4,804	10.1	2.2	Click
20	GMD	Vận tải	Mua	18/3/2020	16.4	27.2	19.3	1,583	12.2	1.0	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gói báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express CTD 2020Q3	7/1/2020	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 100835; Giá tại Publish 74400 Dự báo KQKD: BSC dự báo KQKD CTD 2020 với DT và LNST ước đạt lần lượt là 16,846 tỷ đồng (-29% YoY) và 611 tỷ đồng (-14% YoY), tương đương EPS fw là 7,432 đ/cp - PE fw = 10x; BVPS fw=118,629 đ/cp - PB fw= 0.63x.
Express C4G 2020Q2	6/29/2020	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 7200 Dự báo KQKD: Kế hoạch 2020: Kế hoạch DT và LNST lần lượt 3,050 tỷ (+30% YoY) và 200 tỷ (+116% YoY), tổng sản lượng là 3,000 tỷ đồng. C4G chia cổ tức năm 2020 là 15%. Cập nhật KQKD: Lũy kế tới tháng 6, tổng dự án đang có của C4G đạt 5,200 tỷ đồng bao gồm cả ký mới trong 2020, trong đó một số dự án trọng điểm triển khai trong năm nay bao gồm: Đường Vành đai phía Tây 2 TP Đà Nẵng – Gói thầu 06OFID.EX, Cao tốc Bắc nam đoạn Cam Lộ - La Sơn – Gói thầu số 9, Hầm chui Nguyễn Bân Linh – Gói thầu số 1 và Cải tạo nút giao thông phía tây cầu Trần Thị Lý.
Express KBC 2020Q2	6/29/2020	Dự báo KQKD: Kế hoạch năm 2020, KBC đặt ra 2 kịch bản (1) Phương án khả quan: tổng doanh thu 3,200 tỷ đồng (tương đương 2019), lợi nhuận sau thuế 816 tỷ đồng (-21% yoy) (2) Phương án tích cực: doanh thu dự kiến 3,600 tỷ đồng (+12% yoy), lợi nhuận sau thuế 1,000 tỷ đồng (-4% yoy). Nguồn vốn: tập đoàn dự kiến vay tín dụng hoặc phát hành trái phiếu khoảng 1,500 – 2,000 tỷ đồng để đầu tư các dự án cũ, mới và bổ sung nguồn vốn kinh doanh.
Express SJS 2020Q2	6/12/2020	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 22000 Catalyst: Tổng Công ty Sông Đà có kế hoạch thoái toàn bộ vốn tại SJS. Công ty cho biết hiện đang triển khai rất tích cực, tuy nhiên tại ĐHCĐ không chia sẻ thêm thông tin chi tiết. Theo như chia sẻ trong lần gặp trước đây thì thời điểm dự kiến hoàn tất thoái vốn là Q2/2020.
Express HT1 2020Q2	6/12/2020	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 13450; Giá tại Publish 13700 Dự báo KQKD: BSC dự báo doanh thu thuần năm 2020 của HT1 đạt 8,387 tỷ đồng (-5.1% yoy) với giá định sản lượng xi măng tiêu thụ đạt 7 triệu tấn (-3% yoy), giá bán bình quân giảm 2% yoy. Giá định giá than giảm 7% yoy, điện (-1% yoy do chính sách hỗ trợ giá điện từ Chính phủ trong Q2/2020), giá các nguyên vật liệu khác giữ nguyên, biên LNG được dự báo giảm từ 17.7% về 16.9%. LNST đạt 692 tỷ (-6.5% yoy), tương đương với EPS = 1,632 đồng/CP (giá định trích quỹ KTPL 10%).

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công

Trí

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong

Trần Thành Hưng

Nguyễn Hoàng Dương

Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn

hungtt@bsc.com.vn

duongnh@bsc.com.vn

nguyennh@bsc.com.vn